Styles & CSS

What is css?

Css là ngôn ngữ dùng để tạo nên giao diện website

HTML

Add CSS →

HTML + CSS

Categorizing CSS

- CSS nội tuyến

```
<style>
    h1:{color:red}
</style>
```

- CSS trong dòng

```
<h1 style = “text-transform:uppercase”> Tiêu đề </h1>
```

- CSS ngoại tuyến (thường dung)

```
<link href = “style.css” type= “text/css” rel=“stylesheed”/>
```

Categorizing CSS

❖ Ví dụ

```html
<!DOCTYPE html>
<html>
<head>
<style>
body {
    background-color: linen;
}
h1 {
    color: maroon;
    margin-left: 40px;
}
</style>
</head>
<body>

<h1>This is a heading</h1>
<p>This is a paragraph.</p>

</body>
</html>
```

This is a heading

This is a paragraph.

Những thuộc tính thường dùng trong css

- CSS border
- CSS width – height
- CSS background
- CSS text
- CSS font
- CSS table
- CSS display
- CSS margin
- CSS padding
- CSS List
- CSS positioning
- CSS float
- CSS z-index

ID and Class

- **ID** là thuộc tính nhằm xác định một phần tử trong HTML và ID là thuộc tính duy nhất, chỉ được sử dụng một lần
- **Class** là thuộc tính nhằm xác định một, hoặc một nhóm phần tính trong HTML và class là thuôc tính có thể sử dụng nhiều lần

CSS Border

```
<style>
p.dotted {border-style: dotted;}
p.dashed {border-style: dashed;}
p.solid {border-style: solid;}
p.double {border-style: double;}
p.groove {border-style: groove;}
p.ridge {border-style: ridge;}
p.inset {border-style: inset;}
p.outset {border-style: outset;}
p.none {border-style: none;}
p.hidden {border-style: hidden;}
p.mix {border-style: dotted dashed solid double;}
</style>
</head>
<body>

<h2>Fasttrack SE</h2>
<p>Đây là thuộc tính border</p>

<p class="dotted">A dotted border.</p>
<p class="dashed">A dashed border.</p>
<p class="solid">A solid border.</p>
<p class="double">A double border.</p>
<p class="groove">A groove border.</p>
<p class="ridge">A ridge border.</p>
<p class="inset">An inset border.</p>
<p class="outset">An outset border.</p>
<p class="none">No border.</p>
<p class="hidden">A hidden border.</p>
<p class="mix">A mixed border.</p>
```

Fasttrack SE

Đây là thuộc tính border

A dotted border.

A dashed border.

A solid border.

A double border.

A groove border.

A ridge border.

An inset border.

An outset border.

No border.

A hidden border.

A mixed border.

CSS background

```
<style>
h1 {
    background-color: green;
}

div {
    background-color: lightblue;
}

p {
    background-color: yellow;
}
</style>
</head>
<body>

<h1>CSS background-color example!</h1>
<div>
This is a text inside a div element.
<p>This paragraph has its own background color.</p>
We are still in the div element.
</div>
```

CSS background-color example!

This is a text inside a div element.

This paragraph has its own background color.

We are still in the div element.

CSS background

```html
<!DOCTYPE html>
<html>
<head>
<style>
body {
    background-image: url("img_tree.png");
    background-repeat: no-repeat;
    background-position: right top;
    margin-right: 200px;
    background-attachment: fixed;
}
</style>
</head>
<body>

<h1>Hello World!</h1>
<p>The background-image is fixed. Try to scroll down the page.</p>
<p>The background-image is fixed. Try to scroll down the page.</p>
<p>The background-image is fixed. Try to scroll down the page.</p>
<p>The background-image is fixed. Try to scroll down the page.</p>
<p>The background-image is fixed. Try to scroll down the page.</p>
<p>The background-image is fixed. Try to scroll down the page.</p>
<p>The background-image is fixed. Try to scroll down the page.</p>
<p>The background-image is fixed. Try to scroll down the page.</p>
<p>The background-image is fixed. Try to scroll down the page.</p>
<p>The background-image is fixed. Try to scroll down the page.</p>
```

CSS text

Thuộc tính	Giá trị	Mô tả
Color	Mã màu	Màu chữ
Line-height	Px	Chiều cao mỗi dòng chữ
Text-align	Left , right , center ,justify	Căn lề cho văn bản
Text-decoration	None , underline	Thêm hoặc bỏ dấu gạch dưới chữ
Text-shadown	1px 2px green	Tạo đường bóng đỗ cho chữ
Text-transform	None , uppercase	Tạo chữ viết hoa hoặc thường

CSS font

Thuộc tính	Giá trị	Mô tả
Font-family	Arial,Tahoma,…	Thiệt lập kiểu font chữ
Font-size	Px	Kích thước chữ
Font-style	Normal , italic	Kiểu chữ *nghiên* hay bình thường
Font-weight	Normal , bold	Kiểu chữ **đậm** hay bình thường

CSS Display

- Thuộc tính display quy định phương thức hiển thị của các thành phần trên trang web. Nó được ứng dụng để tạo các hiệu ứng ẩn/hiện một hay nhiều nhóm đối tượng , thiết kế dropdown, tabs, menu , …

```html
<!DOCTYPE html>
<html>
<head>
<style>
li {
    display: inline;
}
</style>
</head>
<body>

<p>Display a list of links as a horizontal menu:</p>

<ul>
  <li><a href="/html/default.asp" target="_blank">HTML</a>
</li>
  <li><a href="/css/default.asp" target="_blank">CSS</a></li>
  <li><a href="/js/default.asp" target="_blank">JavaScript</a>
</li>
</ul>

</body>
</html>
```

Display a list of links as a horizontal menu:

HTML CSS JavaScript

CSS Display

```html
<!DOCTYPE html>
<html>
<head>
<style>
span {
    display: block;
}
</style>
</head>
<body>

<span>A display property with a value of "block" results
in</span> <span>a line break between the two elements.</span>

</body>
</html>
```

A display property with a value of "block" results in
a line break between the two elements.

CSS Margin

Thuộc tính	Giá trị	Mô tả
margin-top	Px	Canh lề bên trên cho thành phần
Margin-left	Px	Canh lề bên trái cho thành phần
Margin-right	Px	Canh lề bên phải cho thành phần
Margin-bottom	Px	Canh lề bên dưới cho thành phần

Cách dùng Margin: top right bottom left

CSS Margin

```html
<!DOCTYPE html>
<html>
<head>
<style>
div {
    border: 1px solid black;
    margin-top: 100px;
    margin-bottom: 100px;
    margin-right: 150px;
    margin-left: 80px;
    background-color: lightblue;
}
</style>
</head>
<body>

<h2>Using individual margin properties</h2>

<div>This div element has a top margin of 100px, a right margin of 150px,
a bottom margin of 100px, and a left margin of 80px.</div>

</body>
</html>
```

CSS Margin

Using individual margin properties

This div element has a top margin of 100px, a right margin of 150px, a bottom margin of 100px, and a left margin of 80px.

CSS Padding

Thuộc tính	Giá trị	Mô tả
Padding-top	Px	Thêm vào khoảng không bên trên thành phần
Padding-left	Px	Thêm vào khoảng không bên trái thành phần
Padding-right	Px	Thêm vào khoảng không bên phải thành phần
Padding-bottom	Px	Thêm vào khoảng không bên dưới thành phần

Cách dùng Padding: top right bottom left

CSS Padding

```html
<!DOCTYPE html>
<html>
<head>
<style>
div {
    border: 1px solid black;
    background-color: lightblue;
    padding-top: 50px;
    padding-right: 30px;
    padding-bottom: 50px;
    padding-left: 80px;
}
</style>
</head>
<body>

<h2>Using individual padding properties</h2>

<div>This div element has a top padding of 50px, a right padding of 30px, a bottom padding of
50px, and a left padding of 80px.</div>

</body>
</html>
```

CSS Padding

Using individual padding properties

This div element has a top padding of 50px, a right padding of 30px, a bottom padding of 50px, and a left padding of 80px.

Giới thiệu Bootstrap

- Bootstrap là một khuôn khổ front-end miễn phí để phát triển web nhanh hơn và dễ dàng hơn
- Bootstrap bao gồm các mẫu thiết kế dựa trên HTML và CSS cho dạng chữ, dạng, các nút, bảng, điều hướng, các kiểu, các hình ảnh carousels và nhiều thứ khác, cũng như các plugin bổ sung JavaScript
- Bootstrap cũng cho phép bạn dễ dàng tạo ra các thiết kế đáp ứng
  - Thiết kế web đáp ứng là tạo ra các trang web tự động điều chỉnh để có thể nhìn tốt trên tất cả các thiết bị, từ điện thoại nhỏ đến máy tính để bàn lớn.

Giới thiệu Bootstrap

- Ưu điểm của Bootstrap:
  - **Dễ sử dụng:** Bất kỳ ai chỉ có kiến thức cơ bản về HTML và CSS có thể bắt đầu sử dụng Bootstrap
  - **Các tính năng đáp ứng:** CSS đáp ứng của Bootstrap điều chỉnh cho điện thoại, máy tính bảng và máy tính để bàn
  - **Tiếp cận di động đầu tiên:** Trong Bootstrap 3, điện thoại di động-phong cách đầu tiên là một phần của khuôn khổ cốt lõi
  - **Khả năng tương thích của trình duyệt:** Bootstrap tương thích với tất cả các trình duyệt hiện đại (Chrome, Firefox, Internet Explorer, Safari và Opera)
- Tài liệu tham khảo :
  - https://www.w3schools.com/bootstrap/
  - https://getbootstrap.com/